

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HS-ST
Ngày: 16 – 09 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Ông **Trần Văn Ròng**

- Thư ký phiên toà: bà **Trần Thị Đào** –Thư ký Toà án nhân dân thị xã G

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên toà: bà **Phan Ngọc Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2022/HS-ST, ngày 26 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thanh H (*Tên gọi khác: M*), sinh năm 1972; nơi sinh: N; nơi cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: chạy xe honda ôm; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Lê Thị Y; Có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị bắt ngày 04 tháng 7 năm 2022 cho đến nay. (*Có mặt*)

- Bị hại: ông **Trần Phú T**, sinh năm 1982; NKTT: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: số 122/27/30/17/2, đường T, Phường 10, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh. (*có mặt*)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 18 tháng 9 năm 2021, bị cáo rủ ông T đến nhà bạn của bị cáo tại xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai để uống rượu. Trong lúc uống rượu giữa bị cáo và ông T xảy ra mâu thuẫn nên ông T hăm dọa bị cáo và bỏ về nhà tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai.

Khi về đến nhà, ông T lấy 01 cây dao ra để ngay cửa nhà với mục đích đợi bị cáo về sẽ chém bị cáo nhưng được mẹ ruột của mình mang đi cất giấu nên ông T tiếp tục lấy 01 khúc cây gỗ tròn, dài khoảng hơn một mét (loại cây treo rèm cửa) để ngay cửa nhà để đợi bị cáo về để đánh.

Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, khi bị cáo điều khiển xe mô tô về gần đến nhà thì thấy ông T ngồi trước cửa và sợ ông T đánh nên quay trở lại đến chợ Hộ Phòng mua 01 cây dao có lưỡi bằng kim loại sắc bén, mũi dao bầu, cán dao bằng gỗ rồi quay về nhà.

Khi ông T vừa thấy bị cáo thì ông T cầm khúc cây gỗ chặn xe và đánh bị cáo nhưng bị cáo tránh được, bị cáo lấy cây dao chuẩn bị sẵn chém nhiều cái về phía ông T gây thương tích.

Sau khi gây thương tích cho ông T, bị cáo cầm dao đi vào nhà nhưng bị ông T rượt đuổi theo, bị cáo chạy vào nhà đóng cửa rào lại thì ông T dùng khúc cây gỗ ném và làm vỡ kính tủ thần tài

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 05/TgT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu kết luận thương tích của ông Trần Phú Trung như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Một vết thương đã thành sẹo ở mu bàn tay trái. Tỷ lệ 02%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trái qua phải.

- Một vết thương đã thành sẹo ở ngón V bàn tay phải. Tỷ lệ 01%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ phải qua trái.

- Một sẹo ở đuôi trái. Tỷ lệ 02%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trái qua phải.

- Gãy xương bàn ngón III bàn tay trái, can tốt, không hạn chế chức năng bàn tay, ngón tay. Tỷ lệ 08%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trái qua phải.

- Gãy xương bàn ngón V bàn tay phải, can tốt. Tỷ lệ 02%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ phải qua trái.

- Đứt gân duỗi ngón III bàn tay trái, đứt cân cơ và mạch máu đã khâu nối phục hồi: Theo Thông tư 22 không quy định tỷ lệ. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trái qua phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 14%.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Ủy ban nhân dân thị xã G kết luận giá trị tử thần tài bị thiệt là là 20.250đ.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS-HS ngày 25 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã G để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo Trần Thanh H về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G giữ nguyên quyết định truy tố và đề xuất áp dụng như sau: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông Trần Phú T và bà Nguyễn Thị Tuyết H theo quy định của pháp luật.

+ Đối với vật chứng tịch thu và tiêu hủy

- Ý kiến của bị cáo:

+ Bị cáo thừa nhận hành vi gây thương tích và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét ông T có tội giết người hay không.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường cho ông T theo quy định, mà không đồng ý số tiền 19.900.000đ theo yêu cầu ông T.

- Ý kiến bị hại:

+ Về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

+ Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bị cáo bồi thường 19.900.000đ, riêng phần tử thần tài ông đồng ý bồi thường 500.000đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H: yêu cầu ông T bồi thường tử thần tài bị thiệt hại là 1.500.000đ, nếu không thì ông T phải kêu thợ lại sửa lại như ban đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18 tháng 9 năm 2021 bị cáo đã có hành vi dùng cây dao có lưỡi bằng kim loại mua tại chợ H để gây thương tích cho ông T với tỷ lệ tổn thương là 14%, sau khi bị ông T dùng cây đánh bị cáo nhưng bị cáo tránh được. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Bị cáo đã sử dụng cây dao, loại dao yếm, mũi dao bầu, lưỡi dao sắc bén, dài 28,5cm, cán dao bằng gỗ dài 14cm mua ngoài chợ để gây thương tích cho ông T là hung khí nguy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự và với tỷ lệ 14% nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù như Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đã truy tố.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được luật hình sự bảo vệ, mà còn gây mất trật tự tình hình trị an tại địa phương và dư luận xấu trong xã hội.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời việc bị cáo gây thương tích cho bị hại là do lỗi của bị hại, lỗi của bị hại thể hiện đã chuẩn bị cây để đánh bị cáo trước nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Mặc dù bị cáo gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 14% và có lỗi của bị hại nhưng do bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của

Bộ luật hình sự nên mức đề xuất hình phạt đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Việc bị cáo cho rằng ông có tội giết người là không có căn cứ, mặc dù ông T có chuẩn bị dao nhưng mẹ ông T đã lấy lại và ông T cũng không có phản ứng, tại phiên tòa ông T trình bày việc lấy dao mục đích hăm dọa mà không sử dụng nhằm gây thương tích. Mặc khác ông T chỉ sử dụng 01 khúc gỗ có đường kính 2,5cm; chiều dài 1,42m đánh bị cáo nhưng không trúng nên việc bị cáo cho rằng ông T phạm tội giết người là không có căn cứ

[7] Về vật chứng vụ án sẽ bị tịch thu tiêu hủy, vì không còn giá trị sử dụng

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại nằm viện từ ngày 18 tháng 9 năm 2021 đến ngày 22 tháng 9 năm 2021 với số tiền điều trị là 5.187.000đ nên việc bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 19.900.000đ là phù hợp với các khoản phải bồi thường do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với việc ông T làm bể kính tủ thờ của bà Nguyễn Thị Tuyết H và có kết luận định giá là 20.000đ (lấy tròn số) nên việc buộc ông T tự nguyện bồi thường số tiền 500.000đ là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí:

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.
- Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $19.900.000đ \times 5\% = 995.000đ$.
- Ông Trần Phú T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Thanh Hùng** phạm tội: **Cố ý gây thương tích**
2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo **Trần Thanh Hùng** 02 (hai) năm tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 589, 590 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Trần Thanh Hùng có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Phú T số tiền 19.900.000đ.

- Buộc bị hại ông Trần Phú T có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 220.000đ.

4. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: 01 cây dao, loại dao yếm, mũi dao bầu, lưỡi dao sắc bén, dài 28,5cm, cán dao bằng gỗ dài 14cm; 01 khúc gỗ có đường kính 2,5cm; chiều dài 1,42m.

Do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G đang tạm giữ và quản lý.

5. Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Trần Thanh Hùng nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

- Buộc bị cáo Trần Thanh Hùng nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 995.000đ.

- Buộc ông Trần Phú T phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Giao bị cáo;
- Giao bị hại;
- Giao người bào chữa (nếu có);
- Giao Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Gửi Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Gửi Cơ quan thi hành án hình sự
- Trại tạm giam nơi bị cáo giam giữ (nếu có);
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Tấn